

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 17 - 4 - 2026.

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Nguyễn Nguyên Hưng.**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Trần Thị Lệ .**

Bà Huỳnh Ngọc Thi.

- Thư ký phiên tòa: **Ông Nguyễn Viết Hạnh** – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 tham gia phiên tòa: **Ông Lý Minh Phúc** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 27/2026/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2026 về “**Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung**” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 105/2026/QĐXX-ST ngày 12 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: **Chị Trần Hồng H**; sinh năm 1993 (vắng mặt, có đơn xin vắng).

Địa chỉ: **Số E C, phường R, tỉnh An Giang.**

* Bị đơn: **Anh Đường Quốc H1**; sinh năm 1988 (vắng mặt).

Địa chỉ: **Số G N, phường R, tỉnh An Giang.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Hồng H trình bày:**

Chị **H** và anh **Đường Quốc H1** qua tự tìm hiểu và tự nguyện chung sống từ năm 2022. Anh chị có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật và được **UBND phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang** cấp giấy chứng nhận kết hôn số 146 ngày 14/11/2018.

Quá trình chung sống thì thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc và có có một người con chung tên **Đường An N**, sinh ngày 12/11/2022. Tuy nhiên thời gian về sau giữa anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng, dẫn đến thường xuyên cãi vã, nguyên nhân là bất đồng quan điểm nhiều vấn đề trong cuộc sống, anh chị đã nhiều lần hàn gắn nhưng không có kết quả mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng

hơn. Chị và anh H1 đã sống ly thân từ cuối năm 2025 cho đến nay, mỗi người sống một nơi, không còn quan tâm, chăm sóc và dành tình cảm cho nhau nữa.

Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc nên chị làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau

- Về hôn nhân: Chị H yêu cầu được ly hôn với anh Đường Quốc H1.

- Về con chung: Quá trình chung sống giữa chị và anh H có một người con chung tên Đường An N, sinh ngày 12/11/2022, hiện đang sống cùng chị H. Chị H yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị H xác định quá trình chung sống anh chị không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Cam kết ly hôn không nhằm mục đích trốn tránh nghĩa vụ về tài sản đối với người khác.

Tại phiên tòa, chị Trần Hồng H vắng mặt và có đơn xin vắng, nội dung đơn chị H xác định giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh Đường Quốc H1 và các yêu cầu về con chung, tài sản chung và nợ chung.

*** Đối với bị đơn anh Đường Quốc H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 02 nhưng vắng mặt không có lý do và không có văn bản trình bày ý kiến.**

**** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:***

- Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Diễn biến tại phiên tòa Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục theo luật định, những người tham gia phiên tòa đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu chứng cứ và quy định của pháp luật chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị H về quan hệ hôn nhân, con chung; về tài sản chung và nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn Trần Hồng H khởi kiện xin ly hôn với anh Đường Quốc H1; có địa chỉ cư trú tại phường R, tỉnh An Giang; đồng thời yêu cầu giải quyết việc nuôi con chung. Do đó, Tòa án xác định quan hệ pháp luật của vụ án là "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung" và theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 – An Giang.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: Anh **Đường Quốc H1** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, chị **H** vắng mặt và có đơn xin vắng; do đó Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, quyết định xét xử vắng mặt chị **H** và anh **H1**.

[3] Xét quan hệ hôn nhân giữa chị **H** và anh **H1**, Hội đồng xét xử nhận định:

Anh chị tự nguyện chung sống, kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, đã được **UBND phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang** cấp giấy chứng nhận kết hôn số 146 ngày 14/11/2020, nên theo quy định tại Điều 9, của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đây là hôn nhân hợp pháp.

[4] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị **Trần Hồng H**, Hội đồng xét xử nhận định:

Theo quy định của pháp luật về hôn nhân gia đình thì quan hệ vợ chồng phải dựa trên cơ sở tự nguyện, tiến bộ; vợ chồng phải có nghĩa vụ quan tâm, yêu thương, chăm sóc, giúp đỡ nhau để cùng nhau xây dựng mái ấm gia đình bền vững, hạnh phúc. Tuy nhiên, quá trình chung sống giữa vợ chồng chị **H** và anh **H1** phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn; nguyên nhân theo chị **H** xác định do anh chị bất đồng quan điểm nhiều vấn đề trong cuộc sống, từ đó dẫn đến tình cảm rạn nứt, không thể hàn gắn được nữa nên đã sống ly thân từ cuối năm 2024 cho đến nay, mỗi người sống một nơi, không còn quan tâm, chăm sóc và dành tình cảm cho nhau nữa.

Tại phiên tòa, chị **H** xác định mâu thuẫn không thể hàn gắn, vợ chồng không còn tình cảm do đó chị vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh **H**. Anh **H1** vắng mặt tại phiên tòa.

Qua xem xét, đánh giá Hội đồng xét xử nhận định quan hệ hôn nhân giữa chị **H** và anh **H1** đã đến mức trầm trọng, vợ chồng mỗi người sống một nơi, không còn quan tâm, yêu thương, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, do đó đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét yêu cầu ly hôn của chị **H** là có căn cứ; sau khi nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Trần Hồng H**, xử cho chị được ly hôn với anh **Đường Quốc H1**.

[5] Xét yêu cầu của chị **H** về việc nuôi con chung, Hội đồng xét xử nhận định:

Chị **H** và anh **H1** chung sống có một người con chung tên **Đường An N**, sinh ngày 12/11/2022. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị **H** xác định con chung hiện đang sống cùng chị, do chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; chị yêu cầu được nuôi con chung và cam kết không ngăn cản việc anh **H1** thực hiện quyền, nghĩa vụ đối với con chung. Phía anh **H1** không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu nuôi con của chị **H**.

Xét yêu cầu của chị **H** về việc nuôi con chung là phù hợp quy định pháp luật; do đó để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu của chị **H**, giao con chung cho chị **H** tiếp tục nuôi dưỡng. Chị **H** không yêu cầu anh **H1** cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử miễn xét.

Các bên có các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định pháp luật.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Chị **H** xác định không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Xét ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về các vấn đề hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung, Hội đồng xét xử nhận định là phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên thống nhất chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án.

[8] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn chị **Trần Hồng H** phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) chị **H** đã nộp theo biên lai tạm ứng án phí số 0012003 ngày 17/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị **Trần Hồng H** và anh **Đường Quốc H1**.

2. Về quan hệ con chung: Giao người con chung tên **Đường A**, sinh ngày 12/11/2022 cho chị **H** trực tiếp nuôi dưỡng. Anh **H1** không cấp dưỡng nuôi con.

Các bên có các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị **H** xác định không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về án phí: Nguyên đơn chị **Trần Hồng H** phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) chị **H** đã nộp theo biên lai tạm ứng án phí số 0012003 ngày 17/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 1;
- THA DS;
- Cơ quan đã thực hiện ĐKKH
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Nguyên Hưng

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**